

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHONG ĐIỀN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2021

"Về việc tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cúc Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thanh Hải**

2. Ông **Nguyễn Ngọc Giang**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Ban**, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Bích N**, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Trần Xuân Đ**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã Tân Thới, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Bích N trình bày:

Chị N và Trần Xuân Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thới, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào ngày 01/8/2018. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Về sau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh Đức không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và kinh tế trong gia đình mà thường bỏ nhà đi chơi, chị nhiều lần khuyên chồng nhưng không được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và con đã về nhà mẹ ruột ở xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ sinh sống từ tháng 11/2019 đến nay. Nên chị N khởi kiện xin ly hôn với nội dung yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Bích N yêu cầu xin được ly hôn với

anh Trần Xuân Đ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 16/8/2018, hiện cháu đang sống với chị và chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như chị N trình bày, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ và con đã về nhà mẹ ruột ở xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ sinh sống khoảng 01 năm nay, anh Đ có kêu vợ về chung sống nhưng vợ không đồng ý, nay chị Nguyệt xin ly hôn thì anh Đ không đồng ý vì còn thương vợ con.

Về con chung: Thống nhất có một con chung như trình bày của nguyên đơn và cũng thừa nhận hiện tại cháu đang ở với chị N, anh Đ cũng có đến thăm nom, chăm sóc cháu và anh Đ yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Có nợ số tiền 96.000.000 đồng, anh Đ mượn nuôi gà đá để bán, chị N không biết đến số tiền nợ này, số tiền tiền 96.000.000 đồng anh Đ mượn của anh Kiệt, Hòa, Thanh, Tiến, về tên, họ, địa chỉ, biên nhận nợ anh Đ sẽ cung cấp sau. Anh Đ yêu cầu chia đôi số nợ với chị N.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Trương Bích N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Xuân Đ. Về con chung: Chị N **yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con**. Về nợ chung, tài sản chung: Không có. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn **Trương Bích N** khởi kiện xin ly hôn với **Trần Xuân Đ** nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh **Trần Xuân Đ** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án theo quy định. Tuy nhiên anh **Đ** vắng mặt không rõ lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thới, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, các thành viên trong gia đình có sự quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo chị N thì giữa chị và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh Đ không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và kinh tế trong gia đình mà thường bỏ nhà đi chơi, chị nhiều lần khuyên chồng nhưng không được, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Đ. Tại buổi hòa giải ngày 06/01/2021 anh Đ cũng thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh Đ cũng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh Đ thì vắng mặt không rõ lý do, điều đó cho thấy bản thân anh Đ cũng không còn thiết tha gì với mối quan hệ hôn nhân này. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị N xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét về con chung: Chị N, anh Đ đều có yêu cầu nuôi cháu Trần Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 16/8/2018, tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N là nữ, còn nhỏ nên rất cần sự gần gũi chăm sóc của mẹ, đồng thời tại buổi hòa giải anh Đ cũng thừa nhận chị N là người đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N là có căn cứ. Về phân cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[5] Về tài sản chung : Quá trình giải quyết vụ án chị N, anh Đ khai thống nhất là không có tài sản chung và không yêu cầu xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại buổi hòa giải ngày 06/01/2021 anh Đ cho rằng anh Đ có nợ số tiền 96.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi số nợ với chị N. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Đ vắng mặt không rõ lý do và cũng không cung cấp các chứng cứ liên quan đến số nợ trên. Tại phiên tòa hôm nay chị N cho rằng không biết số tiền nợ này và cũng không đồng ý theo yêu cầu của anh Đ, phía bị đơn anh Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do nên phần nợ chung chưa xem xét giải quyết, nếu một trong các bên đương sự có yêu cầu thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Chị Trương Bích N phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174 Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 5, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trương Bích N** được ly hôn với anh **Trần Xuân Đ**.

- Về con chung: Giao cháu **Trần Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 16/8/2018** cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đ, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có

- Về phần nợ chung: Chưa xem xét, trường hợp một trong các bên đương sự có yêu cầu thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Trương Bích N** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số **AA/2019/017803** ngày **08/12/2020** tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện phong Điền, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H. Phong Điền ;
- Chi cục THADS H. Phong Điền;
- UBND xã Tân Thới;
- Lưu HS (2b).

Nguyễn Thị Cúc Lan